

Một vài nét về văn học thời Mạc

Nguyễn Thị Hiền^(*)

Tóm tắt: Nhà Mạc trị vì ở Thăng Long (Đông Kinh) từ năm 1527 khi Mạc Đăng Dung lên ngôi đến năm 1592, song song với nhà Lê Trung Hưng hoạt động từ Thanh Hóa trở vào (Tây Kinh) từ năm 1533. Nói đến văn học thời Mạc tức là nói đến những tác gia có những sáng tác vào giai đoạn từ năm 1527 đến năm 1592 trải dài trên khắp các vùng miền. Mạch nguồn văn học nước ta từ thời Lý, Trần, Lê sơ đến Mạc là dòng chảy liên tục, không hề ngắt quãng. Những năm gần đây, cùng với hướng nhận thức lại nhà Mạc của giới sử học, giới nghiên cứu văn học có những cách tiếp cận mới, xem xét các giá trị của văn học thời Mạc trong tiến trình phát triển của văn học dân tộc. Dưới đây là một vài nét chung nhất về bối cảnh xã hội và diện mạo văn học thời Mạc.

Từ khóa: Văn học, Văn xuôi, Thơ ca, Thời Mạc, Thời trung đại, Việt Nam

1. Bối cảnh xã hội của văn học thời Mạc

Xã hội thời Mạc xảy ra nhiều biến động nhưng nhà Mạc đã có những cải cách về chính sách kinh tế và thu được một số thành tựu về văn hóa, giáo dục, tạo thành những yếu tố cơ bản cho sự phát triển của văn học triều đại này. Triều Mạc tồn tại 66 năm, bắt đầu khi Mạc Đăng Dung lên ngôi vào năm 1527 và chấm dứt khi Trịnh Tùng tiến đánh Thăng Long, bắt sống và hành hình Mạc Mậu Hợp vào năm 1592. Có thể thấy rằng, “nhà Mạc tuy lên ngôi, nhưng quyền thống trị vẫn còn yếu trên miền đất từ Thanh Hóa trở vào. Năm 1533, nhà Lê dựng lại sự nghiệp, nắm vùng đất Thanh Hóa, Nghệ An. Từ đó tồn tại đồng thời hai vương triều Lê - Mạc và liên tiếp xảy ra xung đột.

Năm 1592, nhà Mạc thất bại, phải rút khỏi Thăng Long. Sau đó có kéo dài thêm ít năm ở Cao Bằng, song vai trò nhà Mạc chủ yếu là ở giai đoạn thế kỷ XVI, trên các vùng đất xung quanh Thăng Long từ Ninh Bình trở ra” (Đình Khắc Thuần, 1988: 25). Như vậy, triều Mạc liên tục phải đối phó với những thế lực cũ của nhà Lê, trong đó có Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng... và những người không thần phục nhà Mạc như anh em Vũ Văn Mật, Vũ Văn Uyên... Không những thế, chiến loạn liên miên với nhà Lê khiến triều Mạc chưa từng yên ổn.

Trong hơn 60 năm nắm quyền, nhà Mạc một mặt tiếp tục duy trì đường lối của nhà Lê (như về giáo dục và thi cử vẫn theo Nho học, bộ máy hành pháp vẫn theo chế độ trung ương tập quyền), nhưng mặt khác đã có cái nhìn cởi mở hơn đối với các vấn đề văn hóa (chấp nhận thương nghiệp, chấp nhận đa tử tưởng; chấp nhận văn hóa bán

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: hienthongtin-nguvan@gmail.com

địa.v.v...). Điều này khiến cho bức tranh văn hóa nghệ thuật thời Mạc trở nên đa dạng, phong phú. Nhiều thành tựu văn hóa, văn học thời Mạc cho thấy rõ điều đó.

Thời Mạc, lĩnh vực kiến trúc và trang trí tương đối phát triển, thể hiện ở những công trình xây dựng trong cung đình, chùa chiền và các làng xã. Các công trình cung đình quan trọng chủ yếu tập trung ở Dương Kinh - quê hương nhà Mạc với điện Phúc Huy, điện Hưng Quốc, điện Sùng Đức. Bắt đầu từ thời Mạc, đình làng được dùng làm nơi sinh hoạt cộng đồng làng xã. Hai ngôi đình nổi tiếng nhất là đình Đông Lỗ và đình Tây Đằng. Qua đó cho thấy, nghệ thuật kiến trúc và trang trí thời Mạc đã tạo một bước ngoặt lớn trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam.

Nhà Mạc chú trọng giáo dục, thực hiện chính sách khuyến học nhằm chiêu mộ người hiền tài. Các vị vua triều Mạc nhiều lần cho tu sửa Văn Miếu Quốc Tử Giám, xây dựng thêm nhiều quần thể kiến trúc trong Văn Miếu như điện Sùng Nho, nhà Thái học, nhà Minh Luân. Ngoài ra, các khu học xá như Xá sinh, Thượng xá sinh, Trung xá sinh được xây dựng trong Văn miếu dùng làm nơi ở cho học sinh. Các Hội Tư văn tập, Văn chỉ, Văn từ... là nơi tôn thờ các bậc tiên hiền và khuyến học đều có ở các địa phương. Tuy là một triều đại đầy biến động, nhưng các vị vua triều Mạc vẫn chú trọng tuyển chọn nhân tài, qua "22 khoa thi Hội, bắt đầu là kỳ thi năm 1529 với chu kỳ 3 năm tổ chức một lần, lấy đỗ 484 tiến sĩ và 11 trạng nguyên" (Trần Thị Vinh, 2013: 63). Nền tảng giáo dục, khoa cử với các bài thi Hương, thi Hội, thi Đình, đề cao kinh nghĩa thời Mạc đã tạo đà cho các văn nhân, nho sĩ sáng tác.

Như vậy, triều Mạc chú trọng phát triển văn hóa nghệ thuật, giáo dục khoa cử. Đó là những cơ sở quan trọng để văn nhân thời

Mạc hướng tới những sáng tác văn học có giá trị và đồng hành cùng tiến trình phát triển của văn hóa dân tộc. Các khoa thi Nho học đã đào tạo được một lớp trí thức trực tiếp phục vụ cho vương triều Mạc và trở thành lực lượng sáng tác chủ yếu.

2. Diện mạo của văn học thời Mạc

Trải qua bao biến cố lịch sử cùng thiên tai cũng như chịu ảnh hưởng của ý thức, tư tưởng của con người và thời đại, mảng sách văn học thời Mạc đã bị mất mát khá nhiều. Tuy vậy, những tác phẩm văn học còn sót lại của triều Mạc vẫn cho thấy thành tựu văn chương nhất định của một triều đại sùng Nho, chuộng văn. Các tác gia, tác phẩm văn học thời Mạc được ghi lại trong các sách *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử Việt Nam* (Trần Văn Giáp, 1990); *Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu* (Trần Nghĩa, Francois Gros, 1993); *Tên tư tên hiệu các tác giả Hán Nôm Việt Nam* (Trịnh Khắc Mạnh, 2002)...

Văn học thời Mạc có những đóng góp đáng kể cho nền văn học Việt Nam thời trung đại. Tác gia chủ yếu của văn học thời Mạc là các Nho sĩ đỗ đạt, trong đó có người ra làm quan nhà Mạc như Nguyễn Bình Khiêm, Giáp Hải, Hoàng Sĩ Khải, Nguyễn Thế Nghi, Nguyễn Giản Thanh, Hà Nhậm Đại, Phạm Thiệu, Vũ Cận, Vũ Cán...; có người về quê ở ẩn như Nguyễn Hăng, Nguyễn Dữ. Ngoài ra, Phùng Khắc Khoan tuy làm quan thời Lê Trung Hưng nhưng sống vào thời Mạc nên vẫn có thể đưa ông vào hàng ngũ tác gia thời Mạc.

a. Tác gia nổi tiếng

Hai tác gia lớn nổi tiếng tiêu biểu thời Mạc là Nguyễn Bình Khiêm và Phùng Khắc Khoan. Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) tên húy là Nguyễn Văn Đạt, tự Hanh Phủ, hiệu là Bạch Vân Am cư sĩ. Ông để lại trên

600 bài thơ chữ Hán, vài trăm bài thơ Nôm, góp phần phát triển thơ Nôm lên đỉnh cao mới. Tác phẩm của Nguyễn Bình Khiêm được tuyển trong *Bạch Vân Am trình quốc công thi tập*, *Bạch Vân Am thi tập*, *Bạch Vân tiên sinh thi tập*, *Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập*, *Bạch Vân Nguyễn Trình Quốc công lục ký* (Trần Văn Giáp, 1990: 85). Thơ văn chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm gồm thơ thuật hoài, thơ tả cảnh, thơ viết về cuộc sống trí sĩ, về đạo đức, về hoa, cỏ, chim muông... Ngoài ra, ông có *Bài văn bia ở quán Trung Tân*, *Bài ký khắc trên khánh đá*, *Bài ký qua cửa bể Kim Hải.v.v...*

Phùng Khắc Khoan (1528-1613) là học trò của Nguyễn Bình Khiêm, người làng Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất (Hà Nội). Ngoài thơ chữ Hán và chữ Nôm, ông còn có những tác phẩm văn xuôi, bi ký, diễn ra kinh truyện và viết văn ca. Tác phẩm của Phùng Khắc Khoan được tuyển trong các sách *Mai lĩnh sứ hoa thi tập*, *Mai lĩnh thượng thư Nghị Trai Phùng Khắc Khoan thủ trạch*, *Ngôn chí thi tập*, *Nghị Trai thi tập*, *Phùng Khắc Khoan thi tập*, *Phùng Khắc Khoan thi*, *Phùng sứ thần thi tập*, *Phùng thái phó thi*, *Phùng Xá xã Phùng công ngôn chí thi*, *Sứ hoa bút thủ trạch thi tập*... Ngoài ra, thơ văn của ông còn có trong *Bắc Ninh tự miếu bi văn*, *Cổ mặc danh công truyện ký diễn âm*, *Toàn Việt thi lục*. Tác phẩm chữ Nôm của Phùng Khắc Khoan có *Ngư phủ nhập đào nguyên* (ca khúc đã thất truyền), *Lâm tuyên văn* (gồm 185 câu lục bát), *Chu dịch quốc âm* (diễn nghĩa Kinh dịch, đã thất truyền). Trong số đó, "*Lâm tuyên văn* là tác phẩm Nôm duy nhất còn lại của Phùng Khắc Khoan" (Bùi Duy Tân, 2001: 3).

Phùng Khắc Khoan còn để lại nhiều bài văn bia nổi tiếng. Trong số đó có *Lý bát đế điện thạch bi văn* (Văn bia ở điện thờ 8 vị

vua đời Lý), *Sĩ vương lăng thạch bi* (Bia lăng Sĩ Nhiếp), *Bia ghi chuyện Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc Ân*, *Bia ghi sự tích Không Lộ*... Các bài văn bia này có trong sách *Bắc Ninh tòa ký*, *Bắc Ninh tự miếu bi văn*.

Phùng Khắc Khoan có thơ tự thuật chí hướng, cảm hoài, tức cảnh, xướng họa, chúc thọ, thơ đi sứ... Hiện còn gần 20 văn bản thơ chữ Hán của Phùng Khắc Khoan lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) và nhà thờ Trạng Bùng, trong đó có các tập thơ tiêu biểu như *Ngôn chí thi tập*, *Huân đồng thi tập*, *Đa thức tập*, *Mai Lĩnh sứ hoa thi tập.v.v...* Nhìn chung, thơ văn Phùng Khắc Khoan là tiếng nói chân thành của một tri thức dân tộc tâm huyết. Thơ Nôm của ông ít nhiều có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của thơ Nôm Việt Nam.

b. Tác phẩm văn xuôi tiêu biểu

Hai tác phẩm văn xuôi tiêu biểu nhất thời Mạc có thể kể đến là *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ và *Ô Châu cận lục* của Dương Văn An. *Truyện kỳ mạn lục* là một thành tựu lớn của văn xuôi chữ Hán, đánh dấu một bước tiến về thể loại và phương pháp phản ánh hiện thực so với truyện ký trước thời Mạc. *Truyện kỳ mạn lục* ngay thời ấy đã được Đại Hưng hầu Nguyễn Thế Nghi, bạn thân của Mạc Đăng Dung diễn dịch ra chữ Nôm và Nguyễn Bình Khiêm nhuận sắc.

Ô Châu cận lục, gồm những ghi chép về núi sông, cửa biển, phong tục tập quán, đường xá, bến đò, đền chùa, quan chế.v.v... thời Mạc, là tác phẩm địa lý, lịch sử duy nhất của Văn An (1513-1591).

c. Tác gia tiên phong về truyện thơ Nôm

Tác gia thời Mạc đi tiên phong về truyện thơ là Hoàng Sĩ Khải, hiệu Lãn Trai, người làng Lai Xá (Lương Tài, Bắc Ninh). Ông đỗ Tiến sĩ năm Quảng Hòa 4 (1544),

làm quan thời Mạc Phúc Hải, là người có tài văn chương, có một số tác phẩm như *Sứ trình khúc*, *Sứ bắc quốc thi tập*, *Tiểu độc lạc phú*, *Tứ thời khúc vịnh*. Bốn tập này được nhắc tới trong phần *Văn tịch chí* (Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*) nhưng hiện chỉ còn bản sao *Tứ thời khúc vịnh*.

Tứ thời khúc vịnh gồm 340 câu được tác giả viết vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, là bài ca vịnh cảnh bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Hoàng Sĩ Khải đã soạn *Tứ thời khúc vịnh* theo thể thơ Nôm song thất lục bát 7-7/6-8, có kèm theo phần giải thích điển tích bằng chữ Hán. Có thể coi *Tứ thời khúc vịnh* là một tác phẩm đi tiên phong về truyện thơ Nôm thời Mạc, thể hiện ý thức dân tộc và vai trò của Hoàng Sĩ Khải trong việc làm giàu ngôn ngữ dân tộc. *Tứ thời khúc vịnh* kể về công việc theo phong tục tập quán từng tháng trong năm, qua đó ca ngợi vương triều Mạc.

d. Thơ văn bang giao và thơ đi sứ

Quan hệ bang giao giữa nhà Minh và triều Mạc khá phức tạp, khiến vua Mạc thường chọn văn thần tài giỏi sang sứ nhà Minh. Đó là nguyên nhân thời Mạc có nhiều tập thơ về đi sứ. Các vị sứ thần thời Mạc như Giáp Hải, Vũ Cận, Vũ Cán, Đặng Đề, Lê Quang Bí, Phạm Thiệu.v.v... đều có ít hay nhiều bài thơ về đi sứ.

Giáp Hải (1507-1586) có tên hiệu là Tiết Trai, sau đổi là Giáp Trung, người xã Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn (Lạng Giang, Bắc Giang ngày nay). Ông thi đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) năm Đại Chính 9 (1538) đời Vua Mạc Đăng Doanh, lần lượt giữ nhiều chức quan khác nhau thời Mạc, từng đi sứ sang nhà Minh (Trung Quốc). Thơ văn của Giáp Hải có trong các sách *Cựu hàn lâm Đoàn Nguyễn Tuấn thi tập*, *Dã sử tạp biên*, *Hải*

Vân am thi tập, *Phong tục sử*, *Tỳ bà hành diễn âm ca*... Tuy Giáp Hải viết nhiều nhưng hiện chỉ còn có một số bài số, bài biểu, cùng tập thơ *Tuy bang tập* viết bằng chữ Hán, Nôm. Tiểu sử và cuộc đời của Giáp Hải được viết trong các sách *Phong tục sử*, *Dã sử tạp biên*.

Tiến sĩ khoa Quang Bảo 3 (1556) Vũ Cận, năm 1581, từng giữ chức Phó Chánh sứ vào thời Mạc. Ông có tập thơ *Tĩnh thiểu kỹ hành* (Ghi chép hành trình trên cỗ xe sứ giả). Ông có thơ trên khắp các chặng đường đi sứ với những trạm dịch, bến nước, chùa miếu... Lê Quý Đôn đã từng ca ngợi thơ Vũ Cận và chọn 100 bài trong *Tĩnh thiểu kỹ hành* đưa vào bộ *Toàn Việt thi lục*. Những bài thơ tiêu biểu của Vũ Cận có *Bắc sứ Nhĩ Hà sơ phát*, *Thượng Cường dịch* (Trạm Thượng Cường), *Pha Lũy dịch* (Trạm Pha Lũy), *Quá Giao Quan* (Qua Giao Quan), *Bằng Tường dịch* (Trạm Bằng Tường), *Mình Giang dịch*, *Lãng Sơn dịch*, *Đại Than dịch*, *Châu Môn dịch*.v.v...

Vũ Cán (1475-?) - người làng Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (Hải Dương), là một tác gia lớn của thế kỷ XVI, đỗ Hoàng Giáp năm Cảnh Thống 5 (1502), trước làm quan triều Lê, sau làm quan triều Mạc. Ông có 3 tác phẩm *Tùng Hiên thi tập*, *Tùng Hiên văn tập*, *Tứ lục bị lãm*. Âm hưởng chủ đạo trong thơ Vũ Cán là tinh thần lạc quan yêu đời, yêu quê hương đất nước, thẩm nhuần đạo lý dân tộc. Vũ Cán làm cả thơ cổ thể và cận thể, có những bài tiêu biểu như *Tiểu Thanh Miện Trương Công Phu thuyết Bắc sứ*, *Bang Thừa tuyên sứ Trương Công Phu thuyết*, *Cầm hứng*, *Cầm trung trừ tịch*, *Tân niên hí bút*, *Xuân thủ bảo thân*, *Nghênh vạn tuế thụ*, *Cam tử*, *Táo*, *Ngũ liêm quả*, *Lãng Vu*, *Tân hà*, *Phù lưu tàn*, *Tùng thảo*, *Lô kỳ*, *Chỉ diên*, *Tĩnh đình*, *Diệp sứ*, *Huỳnh*,

Oa, Văn, Thổ ngữ, Hoàng ngữ, Ngải hồ, Giới, Khổ qua, La bặc, Hiện, Tiêm, Cản, Quyết minh, Thủy trần, Thóa hồ, Xích, Tập tử, Hải, Quyển, Sơn hành, Giang hành, Nhân thuật, Chính tâm.v.v...

Tiền sỹ khoa Diên Thành 7 (1565) Đặng Đề (1526-?) - người làng Ưông Thượng, huyện Thanh Miện (Hải Dương ngày nay), nổi tiếng học rộng, giỏi văn thơ. Tác phẩm tiêu biểu của Đặng Đề có *Tùng pha thi tập* gồm 4 quyển nhưng nay chỉ còn lưu lại 44 bài, được chép trong *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn. Đặng Đề có những bài thơ đi sứ theo thể loại cận thể tiêu biểu như *Bắc sứ Nhĩ Hà tảo phát thứ tiên niên cống bộ sứ Vũ Công Vân, Quá Thiều Châu Phủ Dung dịch, Cô Tô hoài cổ, Dạ bạc Dương Than tân, Kinh Thảo Bình dịch, Nhân Lý dịch, Đăng Cản dịch, Hương Giang dịch, Đăng Giang dịch, Lân Sơn dạ bạc, Hoàng Đường văn bạc, Đăng Đăng Vương các, Phú Xuân dịch.v.v...*

Cùng trong văn mạch thơ đi sứ phải kể đến sách *Tư hương vận lục* của sứ thần Lê Quang Bí. Ông người làng Mộ Trạch (nay là làng Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương). Niên hiệu Cảnh Lịch thứ nhất (1548), Mạc Tuyên Tông cử Lê Quang Bí làm Phó sứ cho Chánh sứ Lê Tiến Quy đi sứ sang nhà Minh. Ông đã phải lưu lại Trung Quốc 18 năm. Khi về nước, ông được Mạc Mậu Hợp phong chức Thượng thư, tước Tô quận công. Tương truyền hồi ở Nam Ninh, Lê Quang Bí có viết tập thơ *Tô công phụng sứ* gồm 24 bài thơ Đường luật, thuật lại câu chuyện Tô Vũ đời Hán đi sứ sang Hung Nô. Ngoài ra, tập thơ *Tư hương vận lục* của ông thể hiện nỗi niềm hoài cổ, nhớ quê hương của nhà thơ nơi đất khách với một số bài tiêu biểu như *Bắc Hải chãn dê, Gửi thư mượn nhận...*

Bên cạnh Lê Quang Bí, Phạm Thiệu là tác giả tập *Thi văn tập yếu*. Cả hai ông đều có nhiều bài thơ được làm trên đường đi sứ sang nhà Minh.

Ngoài các tác gia kể trên, thời Mạc còn có những văn thi nhân khác như Bùi Vĩnh, Hà Nhậm Đại, Nguyễn Giản Thanh, Lê Đức Mao, Nguyễn Hàng, Lê Quang Bí, Nguyễn Thế Nghi, Phạm Thiệu, Phạm Khiêm Bính, Đinh Trinh, Nguyễn Mậu, Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tinh, Nguyễn Chuyên Mỹ, Bùi Bá Chiến, Trần Phi, Nguyễn Trọng Hiệu, Nguyễn Hữu Du, Nguyễn Oánh, Trần Kiệu, Đào Nghiễm, Nguyễn Quán.v.v... Tất cả các tác gia đều được Lê Quý Đôn tuyển thơ đưa vào *Toàn Việt thi lục*.

Điềm qua các tác giả, tác phẩm ở trên cho thấy, thơ văn chữ Nôm thời Mạc dường như song hành với thơ văn chữ Hán. Thành tựu văn học thời Mạc bắt nguồn từ tư tưởng thời đại, chính sách sùng Nho, trọng dụng nhân tài của vương triều Mạc

3. Một vài đặc điểm của văn học thời Mạc

a. Nội dung sáng tác

Trước thời Mạc, nhiều sáng tác văn chương thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quật cường dân tộc. Đến thời Mạc, chủ nghĩa yêu nước không chỉ dừng ở thơ ca mà còn được thể hiện rõ nét qua tiểu thuyết truyền kỳ của Nguyễn Dữ; qua cảm hứng hồi cổ của Lê Quang Bí hay mang âm hưởng sử thi bởi tác phẩm của Hà Nhậm Đại và rất nhiều thơ văn của các văn thi nhân khác.

Dưới ngòi bút của tác gia thời Mạc, người dân thường hội tụ đầy đủ tính cách điển hình của một con người với sự gần gũi, phức tạp, thánh thiện, tâm thường, toan tính, thấp hèn, cao cả... Các tác gia thời Mạc đã chạm được tới đáy của đời sống hiện thực với muôn hình vạn nẻo cuộc sống đời

thường, con người đời thường. Nhân vật trong các tác phẩm văn học thời Mạc phản ánh một xã hội phức tạp, đầy mâu thuẫn, có sự pha trộn hình tượng người nông dân, tiểu thương, người làm nghề thủ công.

Góp thêm thành tựu cho văn học thời Mạc là những hình tượng con người tự do, thấp thoáng ẩn hiện sau các tác gia vốn đã có tư tưởng tự do, xa lánh bụi trần, tránh xa quyền lực và sự chi phối của đồng tiền. Nhiều văn thi nhân thời Mạc đã thể hiện tư tưởng tự do thông qua việc xây dựng những hình tượng nhân vật. Nguyễn Bình Khiêm lui ẩn tùy theo thời kỳ khiến thơ ông phóng khoáng, mở rộng tầm nhìn đến những chân trời mới mà nhiều thi nhân đời trước không với tới được. Có thể thấy rằng, thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hãng (Nguyễn Hàng), Nguyễn Dữ... không còn bị ràng buộc, câu thúc bởi danh sĩ làm quan trong triều mà đã thể hiện phong thái ung dung, tự do, tự tại, giải thoát.

b. Thể loại sáng tác

Các tác gia thời Mạc đã có nhiều cách tân mới về thể loại sáng tác. Lê Quý Đôn chia văn học thời Mạc thành các thể loại: hiển chương (tiêu biểu có Giáp Hải), thơ ca (tiêu biểu có Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nhậm Đại, Nguyễn Giản Thanh, Phạm Thiệu, Hoàng Sĩ Khải, Nguyễn Hãng) và truyện ký (tiêu biểu có Dương Văn An, Nguyễn Dữ). Trong số đó, thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm “đánh dấu sự phát triển vững chắc của tiếng Việt” (Viện Sử học, 2007: 495), thơ vịnh sử và thơ đi sứ có nhiều chủ đề mới như chống xâm lược (*Vịnh bèo*, Giáp Hải); yêu quê hương đất nước (*Tư hương vận lục*, Lê Quang Bí); phê phán xã hội (*Khiếu vịnh thi tập*, Hà Nhậm Đại).v.v...

Qua diện mạo văn học thời Mạc, có thể thấy rằng, văn học thời Mạc gồm thể loại

văn xuôi và thơ ca, trong đó văn xuôi gồm truyện ký, truyện truyền kỳ, văn bia, phú Nôm; thơ ca gồm thơ đi sứ, thơ vịnh sử, truyện thơ, thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm, thơ bang giao...

Văn xuôi gồm truyện, văn bia, văn bang giao của Giáp Hải, Dương Văn An, Nguyễn Dữ... Về thể loại truyện ký, thời Mạc có *Ô châu cận lục* (Dương Văn An) và *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ). Đây là hai tác phẩm “có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn học đương thời” (Viện Sử học, 2007: 497). *Ô Châu cận lục* được coi là nguồn tư liệu quan trọng để Lê Quý Đôn bổ sung cho sách *Phủ biên tạp lục*. *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn học đương thời.

Ngoài ra, truyện Nôm đã bắt đầu xuất hiện trong thời Mạc, tiêu biểu có *Tô công phụng sứ* kể chuyện Lê Quang Bí đi sứ trong 18 năm. Đây vẫn là dạng truyện Nôm tập hợp các bài thơ Đường. Theo một số nhà nghiên cứu, *Tô công phụng sứ* có thể ra đời vào thời Mạc, bởi nó gắn với câu chuyện đi sứ 18 năm của Lê Quang Bí. Tập truyện Nôm này kể về một nhân vật Trung Hoa đời Hán cũng đi sứ đến 19 năm dưới hình thức những bài thơ độc thoại nội tâm, khả năng cao là những tuyệt thi của Lê Quang Bí.

Bia thời Mạc có giá trị cao về mặt văn học, nghệ thuật, tập trung ở “Kiến An, Hải Dương và các vùng phụ cận Thăng Long” (Đình Khắc Thuần, 1988: 25), gồm 201 văn bia, được tìm thấy nhiều ở Kiến An, Hải Dương, Hà Đông, Hà Nội, Hưng Yên, Sơn Tây, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Quảng Yên. Nội dung được phản ánh trong văn bia thời Mạc “chủ yếu về chùa Phật, Đạo giáo, ruộng đất, chợ búa, cầu cống” (Đình Khắc Thuần, 1988: 29-30). Văn bia đầu tiên phải

kể đến là *Đại bi tự năm Minh Đức thứ 3* (1529) ở chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Nội) và bia *Tiến sĩ đề danh* ở Văn Miếu. Văn bia cuối cùng của nhà Mạc là *Tam giáo tự Tam bảo* bi dựng năm Hồng Ninh 2 (1592). Một trong những văn bia tiêu biểu của Phùng Khắc Khoan có *Cổ Pháp điện tạo bi*, soạn năm Hồng Định 4 (1604) ở xã Đình Bảng (Tiên Sơn, Hà Bắc) ca ngợi các đời vua Lý. Nguyễn Bình Khiêm có *Tam giáo tạo tượng bi minh* soạn năm 1578. Văn bia nhà Mạc hiện còn có ở các chùa, đền, vách đá, lăng mộ, từ đường... Sách *Cẩm nang đồ gốm Việt Nam* tập trung số lượng lớn văn bia trên gốm thời Mạc, cho thấy người thời Mạc đã được phép khắc tên, quẻ quán, niên đại lên các sản phẩm gốm.

Phú Nôm thời Mạc mang phong cách sáng tác bình dân, tính chất trào lộng dần dần thay thế và thấm vào ngôn từ mục thước, lời lẽ thông tục được bác học hóa trong các tác phẩm phú Nôm thời đại trước. Đó là một trong những cơ sở cho thể loại phú Nôm phát triển sau thời Mạc. Như vậy, phú Nôm thời Mạc đặt nền móng cơ bản của ngôn từ tiếng Việt trong thể phú Việt Nam sau này.

Nhìn chung, văn học thời Mạc để lại đến ngày nay chủ yếu là những tác phẩm thơ ca, chủ yếu là thể loại cổ thể và cận thể. Trong đó, thơ cổ thể hay cổ phong là thể thơ có từ trước thời Đường (Trung Quốc), gồm những bài thơ ngũ ngôn, thất ngôn

“không theo niêm luật” (Dương Quảng Hàm, 2005: 110), không hạn chế câu chữ, có thể dùng một vần hay nhiều vần nhưng phải phù hợp với quy luật âm thanh, có nhịp bằng trắc xen lẫn; còn thơ cận thể có từ thời nhà Đường, phải “tuân theo niêm luật nhất định” (Dương Quảng Hàm, 2005: 110). Ngoài số lượng lớn thơ ca, văn xuôi và truyện thơ thời Mạc là bước dạo đầu cho sự tiếp bước và phát triển văn chương các triều đại Việt Nam sau thời Mạc □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Dương Quảng Hàm (2005), *Việt Nam văn học sử yếu*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Trịnh Khắc Mạnh (2002), *Tên tự tên hiệu các tác giả Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Nghĩa, François Gros (1993), *Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Bùi Duy Tân (2001), “Lược khảo văn bản tác phẩm Hán Nôm của Phùng Khắc Khoan”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 3, tr. 3-12.
6. Đinh Khắc Thuân (1988), “Đá, thơ khắc và đặc trưng bia thế kỷ XVI”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (5), tr. 25-30.
7. Viện Sử học (2007), “Lịch sử Việt Nam”, Tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.